TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

11**NHÂN DANH**
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út.

Ông Lâm Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Diễm T, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2022 cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn là bà Đặng Diễm T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2018, bà và ông Lê Thanh Đ chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh B vào ngày 20/7/2018. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ

chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục cuộc sống chung mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà và ông Lê Thanh Đ không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay mà không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh Đ. Về con chung có 01 người tên là Lê Hiếu T (giới tính nam), sinh ngày 03/10/2028 hiện do bà đang nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Lê Thanh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được triệp tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện chính quyền địa phương xã nơi hai bên đương sự sinh sống xác định: Bà Đặng Diễm T và ông Lê Thanh Đ không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Đặng Diễm T ly hôn với ông Lê Thanh Đ. Giao con chung tên là Lê Hiếu T (giới tính nam), sinh ngày 03/10/2018 cho bà Huỳnh Thị Muội tiếp tục nuôi, ông Lê Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Đặng Diễm T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Lê Thanh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Đặng Diễm T yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt. Ông Lê Thanh Đ vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Đặng Diễm T và ông Lê Thanh Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh B và được chứng nhận vào ngày 20/7/2018. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Đặng Diễm T và ông Lê Thanh Đ được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Đặng Diễm T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục cuộc sống chung mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Cả hai người không còn chung sống như với nhau từ tháng 5/2020

cho đến nay. Bà Đặng Diễm T nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh Đ. Ông Lê Thanh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét, cho thấy ông Lê Thanh Đ không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Diễm T và ông Lê Thanh Đ đã và đang trầm trọng. Bà Đặng Diễm T cương quyết yêu cầu ly hôn, do đó việc bà Đặng Diễm T yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh Đ là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Có 01 người tên là Lê Hiếu T (giới tính nam), sinh ngày 03/10/2018 hiện do bà Đặng Diễm T đang nuôi dưỡng. Bà Đặng Diễm T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Lê Thanh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại con chung đang do bà Đặng Diễm T đang trực tiếp nuôi dưỡng nên việc giao con cho bà Đặng Diễm T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Đặng Diễm T. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Diễm T về việc không yêu cầu ông Lê Thanh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung:* Bà Đặng Diễm T yêu cầu tự thỏa thuận, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét

[5]. *Về nợ chung:* Bà Đặng Diễm T xác định không có, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Đặng Diễm T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đặng Diễm T ly hôn với ông Lê Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Đặng Diễm T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Lê Hiếu T (giới tính nam), sinh ngày 03/10/2018 cho đến khi Lê Hiếu T đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Lê Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Diễm T về việc không yêu cầu ông Lê Thanh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Thanh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Diễm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Đặng Diễm T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017523, ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã V, huyện P, tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước